

Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa – Vũng Tàu
 Kỳ thi: Tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026
 Khóa ngày: 5-7/6/2025
 Hội đồng: THPT Xuyên Mộc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	610001	Nguyễn Phước Thiên An	x	17/07/2010	THCS Phước Bửu	6.25	5.75	6.00	18.00
2	610002	Đào Văn An		25/09/2010	THCS Phước Bửu	4.50	7.75	3.75	16.00
3	610003	Nguyễn Bảo Anh	x	22/10/2010	THCS Xuyên Mộc	7.75	7.75	5.75	21.25
4	610004	Nguyễn Cao Hoàng Anh	x	16/08/2010	THCS Bưng Riềng	3.75	8.25	7.00	19.00
5	610005	Nguyễn Đình Huy Anh		10/02/2010	THCS Phước Bửu	4.00	8.00	7.00	19.00
6	610006	Đỗ Đức Tuấn Anh		06/10/2010	THCS Phước Bửu	4.25	5.25	6.25	15.75
7	610007	Mai Huỳnh Việt Anh		22/10/2010	THCS Phước Bửu	6.00	4.75	6.50	17.25
8	610008	Đào Lê Kim Anh	x	06/04/2010	THCS Phước Bửu	3.50	5.50	5.00	14.00
9	610009	Nguyễn Ngọc Bảo Anh	x	06/03/2010	THCS Phước Bửu	5.00	4.75	5.25	15.00
10	610010	Nguyễn Ngọc Chương Anh		23/04/2010	THCS Phước Bửu	5.50	7.75	8.25	21.50
11	610011	Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	x	22/10/2010	THCS Phước Bửu	4.75	7.50	5.75	18.00
12	610012	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	x	18/01/2010	THCS Phước Tân	7.00	8.50	5.25	20.75
13	610013	Đặng Nguyễn Lan Anh	x	17/05/2010	THCS Bưng Riềng	6.00	8.25	7.00	21.25
14	610014	Vương Phạm Minh Anh	x	22/11/2010	THCS Phước Bửu	5.50	4.25	6.00	15.75
15	610015	Trần Thị Trâm Anh	x	12/07/2010	THCS Hoà Hiệp	5.50	7.75	7.75	21.00
16	610016	Nguyễn Trí Mai Anh	x	04/11/2010	THCS Bàu Lâm	4.50	5.25	6.25	16.00
17	610017	Huỳnh Vân Anh	x	15/03/2010	THCS Xuyên Mộc	5.50	8.50	8.25	22.25
18	610018	Nguyễn Vũ Ân		31/01/2010	THCS Hoà Hiệp	6.75	7.50	9.00	23.25
19	610019	Lâm Chí Bảo		22/03/2010	THCS Xuyên Mộc	5.50	6.00	8.25	19.75
20	610020	Lê Gia Bảo		19/07/2010	THCS Phước Bửu	6.50	8.50	7.25	22.25
21	610021	Trần Gia Bảo		11/08/2010	THCS Bưng Riềng	5.50	9.00	8.50	23.00
22	610022	Nguyễn Quốc Bảo		19/04/2010	Học viện Anh Quốc	4.25	8.75	8.50	21.50
23	610023	Trần Thái Bảo		19/01/2010	THCS Hoà Hiệp	5.75	8.25	8.50	22.50
24	610024	Phạm Văn Gia Bảo		09/12/2010	THCS Phước Bửu	4.00	3.50	3.50	11.00
25	610025	Dương Hoàng Việt Châu	x	09/11/2010	THCS Phước Bửu	6.75	8.75	8.50	24.00
26	610026	Tong Trân Châu	x	26/09/2010	THCS Phước Tân	5.25	6.25	4.00	16.50
27	610027	Mai Đặng Đức Chiến		15/05/2010	THCS Phước Bửu	4.50	4.00	3.25	11.75
28	610028	Phùng Thị Kim Chung	x	28/03/2010	THCS Phước Bửu	6.50	8.00	5.00	19.50
29	610029	Đỗ Mạnh Cường		18/08/2010	THCS Phước Bửu	5.50	8.50	6.50	20.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
30	610030	Bùi Thụy Nghi Dung	x	18/10/2010	THCS Phước Bửu	6.00	5.25	8.25	20.50
31	610031	Bùi Đức Duy		11/02/2010	THCS Hoà Hiệp	4.25	8.00	8.25	20.50
32	610032	Trần Hoàng Bảo Duy		24/01/2010	THCS Hoà Hiệp	5.75	8.50	7.00	21.25
33	610033	Trần Phan Kỳ Duyên	x	30/01/2010	THCS Chu Văn An (XM)	6.50	7.25	5.50	19.25
34	610034	Nguyễn Long Dũ		01/11/2010	THCS Phước Bửu	4.50	4.50	4.50	13.50
35	610035	Lê Quang Dũng		11/07/2010	THCS Xuyên Mộc	6.75	9.00	9.25	25.00
36	610036	Nguyễn Văn Dũng		20/05/2010	THCS Phước Tân	6.50	7.50	8.25	22.25
37	610037	Cao Nguyễn Thuỳ Dương	x	21/11/2010	THCS Phước Bửu	6.75	8.50	7.50	22.75
38	610038	Trần Nguyễn Thùy Dương	x	05/09/2010	THCS Xuyên Mộc	6.00	7.00	4.25	17.25
39	610039	Lê Thị Thùy Dương	x	25/04/2010	THCS Xuyên Mộc	5.00	7.00	4.75	16.75
40	610040	Nguyễn Thị Mộng Đào	x	23/11/2010	THCS Phước Thuận	3.75	8.75	5.00	17.50
41	610041	Nguyễn Quang Đạt		13/07/2010	THCS Phước Bửu	6.25	8.75	7.75	22.75
42	610042	Nguyễn Thành Đạt		09/08/2010	THCS Hoà Hiệp	4.25	7.75	7.50	19.50
43	610043	Hồ Văn Đạt		21/09/2010	THCS Xuyên Mộc	6.50	5.75	3.25	15.50
44	610044	Nguyễn Hà Đăng		30/01/2010	THCS Phước Bửu	6.75	8.50	7.00	22.25
45	610045	Phan Nguyên Hải Đăng		08/02/2010	THCS Bàu Lâm	6.50	9.00	6.75	22.25
46	610046	Lê Thị Hiệp Định	x	30/09/2010	THCS Hoà Hiệp	7.00	8.75	8.75	24.50
47	610047	Nguyễn Khánh Đoan	x	02/12/2010	THCS Phước Bửu	6.50	8.00	4.25	18.75
48	610048	Nguyễn Trường Giang		06/01/2010	THCS Phước Bửu	5.50	8.00	5.25	18.75
49	610049	Tăng Ngân Hà	x	13/11/2010	THCS Láng Dài	5.75	6.00	3.25	15.00
50	610050	Phạm Ngọc Hà	x	20/12/2010	THCS Xuyên Mộc	2.00	0.75	2.25	5.00
51	610051	Lê Thái Ngân Hà	x	16/11/2010	THCS Phước Bửu	6.75	8.25	7.25	22.25
52	610052	Huỳnh Ngọc Hào		18/12/2010	THCS Phước Tân				0.00
53	610053	Trần Quang Hào		24/09/2010	THCS Phước Bửu	5.75	8.00	6.00	19.75
54	610054	Trương Bảo Hân	x	01/08/2010	THCS Phước Bửu	7.25	8.00	5.50	20.75
55	610055	Hoàng Gia Hân	x	08/02/2010	THCS Phước Tân	7.00	8.75	6.25	22.00
56	610056	Lê Gia Hân	x	22/05/2010	THCS Phước Bửu	8.25	9.00	9.50	26.75
57	610057	Thái Gia Hân	x	07/10/2010	THCS Xuyên Mộc	5.50	5.25	4.00	14.75
58	610058	Nguyễn Mai Hân	x	10/03/2010	THCS Xuyên Mộc	6.00	6.75	3.75	16.50
59	610059	Lê Nguyễn Bảo Hân	x	14/10/2010	THCS Phước Bửu	7.50	7.75	6.75	22.00
60	610060	Hoàng Nguyễn Gia Hân	x	14/08/2010	THCS Phước Tân	5.25	6.75	4.00	16.00
61	610061	Lý Nguyễn Ngọc Hân	x	23/09/2010	THCS Phước Thuận	5.25	5.50	5.75	16.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
62	610062	Phú Nguyễn Ngọc Hân	x	13/12/2010	THCS Phước Bửu	7.75	8.75	9.25	25.75
63	610063	Nguyễn Thị Gia Hân	x	29/08/2010	THCS Hòa Hội	6.75	8.75	9.00	24.50
64	610064	Lê Phan Quang Hậu		19/02/2010	THCS Phước Bửu	5.00	7.00	6.75	18.75
65	610065	Nguyễn Thị Ái Hậu	x	02/02/2010	THCS Bình Châu	7.00	8.75	7.00	22.75
66	610066	Lê Diệu Hiền	x	05/07/2010	THCS Phước Bửu	6.00	4.25	4.75	15.00
67	610067	Ninh Phạm Trung Hiếu		16/09/2010	THCS Phước Bửu	6.00	8.75	8.75	23.50
68	610068	Nguyễn Phạm Quỳnh Hoa	x	08/04/2010	THCS Phước Bửu	7.25	8.75	8.50	24.50
69	610069	Trần Thị Hồng Hoa	x	27/04/2010	THCS Phước Tân	6.25	8.75	6.75	21.75
70	610070	Phạm Văn Hoàng		18/01/2010	THCS Phước Bửu	5.75	7.00	3.75	16.50
71	610071	Huỳnh Gia Huệ	x	14/06/2010	THCS Phước Tân	6.00	8.25	7.25	22.50
72	610072	Trần Anh Huy		04/05/2010	THCS Phước Bửu	6.00	9.00	4.75	19.75
73	610073	Hà Bảo Huy		01/11/2010	THCS Phước Bửu	5.75	7.00	3.50	16.25
74	610074	Trần Đăng Huy		16/02/2010	THCS Hoà Hiệp	7.50	8.50	5.25	21.25
75	610075	Nguyễn Đức Huy		07/11/2009	THCS Phước Tân	5.50	8.00	9.75	23.25
76	610076	Lâm Gia Huy		04/11/2010	THCS Xuyên Mộc	5.00	7.25	5.75	18.00
77	610077	Nguyễn Trần Gia Huy		09/09/2010	THCS Phước Bửu	5.25	6.25	5.00	16.50
78	610078	Đào Nguyễn Minh Huyền	x	17/08/2010	THCS Phước Bửu	7.25	7.00	5.00	19.25
79	610079	Nguyễn Thanh Huyền	x	15/05/2010	THCS Hoà Hiệp	6.50	8.00	7.50	22.00
80	610080	Đinh Thị Thanh Huyền	x	20/10/2010	THCS Hoà Hiệp	6.00	7.50	5.25	18.75
81	610081	Nguyễn Hà Phi Hùng		02/02/2010	THCS Phước Bửu	6.75	6.75	6.50	20.00
82	610082	Lê Bảo Thái Hưng		01/09/2010	THCS Bàu Lâm	6.00	8.25	8.75	23.00
83	610083	Lê Công Hưng		17/09/2010	THCS Phước Bửu	3.50	7.75	6.25	17.50
84	610084	Trần Thị Quỳnh Hương	x	30/06/2010	THCS Chu Văn An (XM)	6.50	8.75	7.25	22.50
85	610085	Phùng Chí Khang		26/08/2010	THCS Phước Bửu	6.50	8.25	6.50	21.25
86	610086	Phạm Hữu Khang		18/06/2010	THCS Phước Bửu	5.00	7.50	5.25	17.75
87	610087	Nguyễn Tuấn Khang		16/12/2010	THCS Phước Bửu	7.50	9.00	7.75	24.25
88	610088	Nguyễn Lương Huỳnh Khải		01/08/2010	THCS Phước Bửu	5.50	8.50	6.00	20.00
89	610089	Nguyễn Xuân Khải		08/06/2010	THCS Phước Bửu	6.25	7.75	6.25	20.25
90	610090	Nguyễn Gia Khánh		19/06/2010	THCS Hòa Hội	7.50	8.50	6.25	22.25
91	610091	Trần Gia Khánh		27/06/2010	THCS Phước Bửu	5.00	7.75	8.50	21.25
92	610092	Nguyễn Kim Khánh	x	01/09/2010	THCS Chu Văn An (XM)	5.25	7.75	4.50	17.50
93	610093	Vũ Thị Vân Khánh	x	05/04/2010	THCS Phước Bửu	6.25	5.50	5.75	17.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
94	610094	Hà Anh Khoa		17/03/2010	THCS Phước Bửu	6.50	8.25	7.75	22.50
95	610095	Đỗ Đăng Khoa		13/08/2010	THCS Lê Quang Cường	6.50	8.75	8.75	24.00
96	610096	Huỳnh Đăng Khoa		11/10/2010	THCS Phước Bửu	7.00	9.00	7.00	23.00
97	610097	Nguyễn Minh Khoa		22/02/2010	THCS Phước Tân	5.50	8.50	3.75	17.75
98	610098	Nguyễn Đăng Khôi		16/07/2010	THCS Phước Tân	3.25	8.00	8.00	19.25
99	610099	Tạ Đăng Khôi		12/11/2010	THCS Phước Bửu	4.75	7.25	4.50	16.50
100	610100	Trần Nguyên Khôi		06/09/2010	THCS Phước Bửu	8.25	8.50	9.00	25.75
101	610101	Nguyễn Anh Khuê		06/05/2010	THCS Phước Bửu				0.00
102	610102	Lê Anh Kiệt		24/02/2010	THCS Phước Bửu	6.75	8.25	9.25	24.25
103	610103	Trần Anh Kiệt		28/04/2010	THCS Phước Thuận	5.50	7.25	4.00	16.75
104	610104	Chu Hào Kiệt		28/05/2010	THCS Phước Bửu	6.50	8.75	8.00	24.25
105	610105	Vũ Tuấn Kiệt		31/10/2010	THCS Hoà Hiệp	4.25	8.75	6.50	19.50
106	610106	Nguyễn Ngọc Khánh Kim	x	12/04/2010	THCS Phước Bửu	6.50	5.75	6.50	18.75
107	610107	Đào Thiên Kim	x	14/03/2010	THCS Phước Bửu	6.25	2.75	6.50	15.50
108	610108	Nguyễn Phúc Tường Lam	x	24/04/2010	THCS Phước Bửu	7.50	9.00	7.50	24.00
109	610109	Đặng Thanh Lam	x	18/06/2010	THCS Bình Châu	7.50	8.00	5.00	20.50
110	610110	Phạm Trần Trường Lâm		31/10/2010	THCS Phước Bửu	7.00	8.75	7.75	23.50
111	610111	Đào Nguyễn Gia Linh	x	22/12/2010	THCS Phước Bửu	8.25	8.75	9.25	26.25
112	610112	Trần Thị Thuý Linh	x	21/12/2010	THCS Phước Bửu	6.50	5.00	5.75	17.25
113	610113	Tô Thị Tuyết Linh	x	28/10/2010	THCS Phước Bửu	6.00	6.25	4.50	16.75
114	610114	Tạ Thị Yến Linh	x	14/07/2010	THCS Xuyên Mộc	8.00	8.50	7.50	25.00
115	610115	Tô Trần Phương Linh	x	10/09/2010	THCS Bình Châu	6.50	7.50	2.75	16.75
116	610116	Lê Thị Kiều Loan	x	16/02/2010	THCS Bàu Lâm	8.00	8.75	4.25	21.00
117	610117	Trần Hoàng Long		06/12/2009	THCS Phước Bửu				0.00
118	610118	Lê Hoàng Thiên Long		05/11/2010	THCS Xuyên Mộc	6.00	8.75	7.00	21.75
119	610119	Nguyễn Tấn Lộc		26/12/2010	THCS Chu Văn An (XM)	5.25	8.25	8.00	21.50
120	610120	Lâm Thị Kim Lộc	x	14/07/2010	THCS Xuyên Mộc	8.00	8.75	8.25	25.00
121	610121	Ngô Thị Trúc Ly	x	15/11/2010	THCS Xuyên Mộc	7.00	5.25	3.50	15.75
122	610122	Võ Ngọc Phương Mai	x	03/04/2010	THCS Phước Thuận	5.25	8.25	4.75	18.25
123	610123	Đặng Thị Xuân Mai	x	01/03/2010	THCS Phước Bửu	7.75	8.00	8.25	24.00
124	610124	Đoàn Bình Minh		02/03/2010	THCS Phước Bửu	7.00	9.50	8.75	25.25
125	610125	Trần Đức Minh		08/09/2010	THCS Phước Tân	5.50	8.50	9.00	23.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
126	610126	Võ Hoàng Minh		05/10/2010	THCS Phước Bửu	7.00	8.25	6.75	22.00
127	610127	Đàm Nhất Minh		13/04/2010	THCS Phước Bửu	3.50	4.50	3.50	11.50
128	610128	Võ Văn Quang Minh		18/08/2010	THCS Láng Dài	5.50	8.50	8.25	22.25
129	610129	Ngô Hoàng Phương My	x	10/06/2010	THCS Phước Bửu	6.50	8.75	7.75	23.00
130	610130	Lê Nguyễn Thị Diễm My	x	02/05/2010	THCS Xuyên Mộc	7.00	2.75	2.25	12.00
131	610131	Nguyễn Phạm Ái My	x	12/02/2010	THCS Phước Bửu	5.50	5.75	4.75	16.00
132	610132	Trương Gia Mỹ	x	13/01/2010	THCS Phước Bửu	7.50	8.75	6.50	22.75
133	610133	Nguyễn Nam		28/02/2010	THCS Phước Bửu	7.75	8.75	7.25	23.75
134	610134	Nguyễn Duy Nam		09/01/2010	THCS Phước Bửu	6.00	8.25	4.75	19.00
135	610135	Trần Ngọc Bảo Nam		06/07/2010	THCS Hoà Hiệp	5.50	8.50	8.25	22.25
136	610136	Mai Ngọc Nga	x	16/03/2010	THCS Phước Bửu	6.50	9.00	8.50	24.00
137	610137	Nguyễn Hoàng Thiên Ngân	x	16/09/2010	THCS Bông Trang	4.75	7.25	8.25	20.25
138	610138	Đỗ Huỳnh Tuyết Ngân	x	02/03/2010	THCS Bưng Riềng	5.25	8.25	6.75	20.25
139	610139	Phạm Ngọc Kim Ngân	x	15/04/2010	THCS Phước Bửu	5.50	6.50	5.00	17.00
140	610140	Đinh Thị Kim Ngân	x	01/05/2010	THCS Phước Bửu	7.00	8.50	4.75	20.25
141	610141	Lê Thị Kim Ngân	x	01/01/2010	THCS Phước Bửu	7.25	7.00	8.00	22.25
142	610142	Lê Thị Ngọc Ngân	x	01/01/2010	THCS Phước Tân	3.25	5.00	4.00	12.25
143	610143	Nguyễn Thị Thanh Ngân	x	09/05/2010	THCS Phước Bửu	6.50	6.50	7.50	20.50
144	610144	Nguyễn Thị Thu Ngân	x	24/01/2010	THCS Phước Bửu	7.50	8.75	7.50	23.75
145	610145	Trương Bảo Nghi	x	06/01/2010	THCS Phước Tân	6.75	8.00	5.00	19.75
146	610146	Huỳnh Trung Nghĩa		20/04/2010	THCS ngoài tỉnh	6.25	8.25	6.75	21.25
147	610147	Cầm Bảo Ngọc	x	06/02/2010	THCS Phước Thuận	7.00	8.50	5.75	22.25
148	610148	Hoàng Bảo Ngọc	x	01/07/2010	THCS Phước Tân	5.75	8.75	4.75	19.25
149	610149	Lê Bảo Ngọc	x	22/12/2010	THCS Phước Bửu	6.25	8.50	4.75	19.50
150	610150	Huỳnh Gia Bảo Ngọc	x	08/11/2010	THCS Xuyên Mộc	7.25	4.25	3.50	15.00
151	610151	Phan Huỳnh Bảo Ngọc	x	23/05/2010	THCS Phước Bửu	7.00	8.25	7.25	22.50
152	610152	Chí Mỹ Ngọc	x	05/01/2010	THCS Hoà Hiệp	7.75	9.50	7.00	25.25
153	610153	Trình Nguyễn Bảo Ngọc	x	15/03/2010	THCS Phước Bửu	6.00	3.75	6.75	16.50
154	610154	Nguyễn Thảo Ngọc	x	02/07/2010	THCS Chu Văn An (XM)	6.75	8.25	6.75	21.75
155	610155	Tô Thị Như Ngọc	x	13/11/2010	THCS Phước Bửu	5.00	1.75	8.25	15.00
156	610156	Nguyễn Trần Bảo Ngọc	x	02/02/2010	THCS Phước Bửu	6.75	4.50	5.25	16.50
157	610157	Nguyễn Trần Mỹ Ngọc	x	04/02/2010	THCS Xuyên Mộc	6.00	5.00	7.25	18.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
158	610158	Nguyễn Tuyết Ngọc	x	24/04/2010	THCS Bông Trang	4.25	3.50	2.50	10.25
159	610159	Nguyễn Đăng Bảo Nguyên	x	14/08/2010	THCS Chu Văn An (XM)	5.25	8.50	5.50	19.25
160	610160	Đặng Đông Nguyên	x	14/11/2010	THCS Phước Bửu	6.50	8.50	7.75	22.75
161	610161	Lê Hoàng Đăng Nguyên		15/12/2010	THCS Phước Bửu	6.75	7.75	7.75	22.25
162	610162	Nguyễn Lê Nguyên		21/01/2010	THCS Phước Bửu	6.50	5.25	5.25	17.00
163	610163	Đào Phương Nguyên	x	29/08/2010	THCS Xuyên Mộc	6.25	4.75	7.00	18.00
164	610164	Lưu Minh Nguyệt	x	25/12/2010	THCS Phước Tân	6.00	8.75	9.00	23.75
165	610165	Bùi Nguyễn Thanh Nhân	x	21/08/2010	THCS Chu Văn An (XM)	5.50	6.75	7.00	19.25
166	610166	Huỳnh Long Nhật		10/08/2010	THCS Phước Tân	5.50	7.75	5.00	18.25
167	610167	Trần Long Nhật		22/06/2010	THCS Phước Bửu	6.25	8.00	5.50	19.75
168	610168	Ngô Minh Nhật		03/01/2010	THCS Phước Thuận	4.75	8.50	7.25	20.50
169	610169	Nguyễn Quang Nhật		16/10/2010	THCS Phước Bửu	7.00	8.25	6.50	21.75
170	610170	Nguyễn Gia Nhi	x	11/03/2010	THCS Phước Bửu	6.50	5.00	6.00	17.50
171	610171	Nguyễn Hoài Linh Nhi	x	12/07/2010	THCS Chu Văn An (XM)	7.50	9.00	8.75	25.25
172	610172	Lưu Huyền Uyên Nhi	x	08/09/2010	THCS Xuyên Mộc	6.75	2.50	4.50	13.75
173	610173	Cao Nguyễn Phương Nhi	x	22/07/2010	THCS Hoà Hiệp	7.75	8.50	6.75	23.00
174	610174	Võ Thị Tuyết Nhi	x	09/10/2010	THCS Bình Châu	6.00	8.75	7.00	21.75
175	610175	Ngô Thị Yến Nhi	x	20/07/2010	THCS Phước Bửu	7.00	8.00	7.25	22.25
176	610176	Trần Võ Tuyết Nhi	x	25/09/2010	THCS Hoà Hiệp	6.50	9.50	9.25	25.25
177	610177	Phan Vũ Thuỷ Nhung	x	29/11/2010	THCS Phước Bửu	7.00	8.25	7.25	23.00
178	610178	Trương Hoàng Quỳnh Như	x	04/02/2010	THCS Hoà Hiệp	7.25	8.00	7.50	22.75
179	610179	Phạm Huỳnh Thảo Như	x	17/11/2009	THCS Phước Bửu	8.00	6.75	7.50	22.25
180	610180	Lê Ngọc Quỳnh Như	x	28/03/2010	THCS Bàu Lâm	6.75	8.00	5.25	20.00
181	610181	Nguyễn Ngô Ngọc Ý Như	x	18/10/2010	THCS Phước Bửu	6.25	8.25	6.75	21.25
182	610182	Huỳnh Thị Ngọc Như	x	08/03/2010	THCS Phước Tân	6.00	6.75	4.75	17.50
183	610183	Phan Thị Quỳnh Như	x	27/07/2010	THCS Hoà Hiệp	7.00	8.75	4.00	19.75
184	610184	Đặng Tổ Như	x	01/05/2010	THCS Tân Lâm	6.00	8.25	5.00	19.25
185	610185	Nguyễn Trần Quỳnh Như	x	20/07/2010	THCS Xuyên Mộc	6.75	6.25	8.25	21.25
186	610186	Nguyễn Trịnh Tâm Như	x	19/05/2010	THCS Hoà Hiệp	8.00	8.00	7.50	23.50
187	610187	Trần Nguyễn Cẩm Ni	x	06/09/2010	THCS Phước Bửu	7.00	7.25	7.25	21.50
188	610188	Trần Hữu Phát		27/02/2010	THCS Phước Bửu	5.00	8.00	6.50	19.50
189	610189	Nguyễn Minh Phát		05/05/2010	THCS Phước Thuận	7.25	7.75	5.75	20.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
190	610190	Lê Tiến Phát		16/09/2010	THCS Xuyên Mộc	6.50	7.50	4.50	18.50
191	610191	Nguyễn Bảo Phong		15/01/2010	THCS Phước Tân	6.25	8.50	7.25	22.00
192	610192	Nguyễn Đình Phong		02/09/2010	THCS Phước Bửu	6.50	8.25	4.75	19.50
193	610193	Lê Hồ Phong		18/10/2010	THCS Phước Tân	6.50	8.50	6.00	21.00
194	610194	Võ Thanh Phong		09/11/2010	THCS Hòa Hội	6.50	7.00	5.75	19.25
195	610195	Nguyễn Đặng Trường Phú		26/04/2010	THCS Bình Châu	4.50	8.25	7.50	20.25
196	610196	Trần Hoàng Đức Phú		30/04/2010	THCS Phước Tân	4.75	4.50	7.75	17.00
197	610197	Đặng Long Phú		12/01/2010	THCS Bưng Riềng	5.50	8.00	5.00	18.50
198	610198	La Quang Phú		28/07/2010	THCS Phước Bửu	6.50	8.75	8.50	23.75
199	610199	Hồ Sĩ Hoàng Phú		30/01/2010	THCS Phước Bửu	6.00	5.50	5.50	17.00
200	610200	Phạm Thiên Phú		04/11/2010	THCS Phước Bửu	6.75	8.25	7.00	22.00
201	610201	Nguyễn Gia Phúc		11/10/2010	THCS Phước Bửu	7.50	9.00	9.25	25.75
202	610202	Hoàng Hồng Phúc		16/02/2010	THCS Chu Văn An (XM)	2.00	3.00	2.50	7.50
203	610203	Cao Phạm Lưu Phúc		04/10/2010	THCS Phước Bửu	6.50	5.75	6.25	18.50
204	610204	Chung Thành Phúc		03/06/2010	THCS Chu Văn An (XM)	6.25	9.00	7.75	24.00
205	610205	Nguyễn Thị Ngọc Phụng	x	02/02/2010	THCS Phước Tân	7.75	8.50	6.75	23.00
206	610206	Nguyễn Đông Phương	x	10/12/2010	THCS Phước Bửu	5.50	6.00	7.50	19.00
207	610207	Vòng Mỹ Phương	x	30/04/2010	THCS Hoà Hiệp	7.75	8.50	8.50	25.75
208	610208	Lê Nguyễn Anh Phương	x	06/06/2010	THCS Xuyên Mộc	6.50	6.00	7.50	20.00
209	610209	Nguyễn Thị Hồng Phương	x	30/09/2010	THCS Phước Bửu	6.25	5.25	4.75	16.25
210	610210	Thống Việt Phương	x	02/01/2010	THCS Hoà Hiệp	5.75	6.75	4.25	17.75
211	610211	Lê Hữu Phước		06/07/2010	THCS Phước Bửu	7.25	6.50	5.50	19.25
212	610212	Phan Công Quang		14/07/2010	THCS Phước Tân	6.25	9.00	9.00	24.25
213	610213	Ngô Ngọc Quang		25/05/2010	THCS Phước Bửu	5.75	3.75	5.50	15.00
214	610214	Trần Viết Vinh Quang		03/04/2010	THCS Chu Văn An (XM)	4.00	7.50	4.50	16.00
215	610215	Bùi Hoàng Quân		21/10/2010	THCS Phước Bửu	6.75	8.75	8.75	24.25
216	610216	Trần Minh Quân		01/07/2010	THCS Phước Bửu	5.75	8.75	8.25	22.75
217	610217	Trần Văn Anh Quân		27/01/2010	THCS Phước Bửu	5.00	6.50	4.00	15.50
218	610218	Mai Kim Bảo Quyên	x	03/06/2010	THCS Hoà Hiệp	6.00	8.50	7.50	22.00
219	610219	Ngô Ngọc Bảo Quyên	x	23/03/2010	THCS Hoà Hiệp	5.75	8.00	6.50	20.25
220	610220	Lê Thị Diệu Quyên	x	09/07/2010	THCS Chu Văn An (XM)	5.75	8.25	5.75	19.75
221	610221	Lê Công Quyền		12/11/2010	THCS Bình Châu	4.50	6.50	4.00	15.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
222	610222	Vũ Minh Quyền		26/06/2010	THCS Phước Bửu	3.50	6.50	3.75	13.75
223	610223	Nguyễn Duy Quyết		03/02/2010	THCS Phước Bửu	7.50	9.50	8.25	25.25
224	610224	Võ Thị Ngọc Quỳnh	x	01/06/2010	THCS Phước Bửu	4.25	3.00	3.75	11.00
225	610225	Phạm Trần Ngọc Quỳnh	x	05/10/2010	THCS Phước Bửu	6.75	8.50	9.00	24.25
226	610226	Phạm Khắc Sáng		04/02/2010	THCS Phước Bửu	7.25	9.25	8.75	25.25
227	610227	Chu Hồng Sơn		15/03/2010	THCS Phước Bửu	5.50	8.00	7.50	21.00
228	610228	Trần Tấn Tài		15/08/2009	THCS Xuyên Mộc	4.00	2.75	3.50	10.25
229	610229	Đỗ Chiến Tâm	x	13/07/2010	THCS Phước Bửu	7.25	8.50	8.00	23.75
230	610230	Bùi Thiên Thai	x	12/09/2010	THCS Phước Bửu	7.25	9.25	8.25	24.75
231	610231	Nguyễn Chí Thanh		28/02/2010	THCS Phước Thuận	4.75	8.25	7.00	20.00
232	610232	Nguyễn Ngô Hữu Thành		16/02/2010	THCS Chu Văn An (XM)	4.50	8.25	4.00	16.75
233	610233	Lê Nguyễn Thái Thành		28/05/2010	THCS Hoà Hiệp	5.50	7.50	6.50	19.50
234	610234	Nguyễn Hiếu Thảo	x	07/04/2010	THCS Bình Châu	5.75	7.25	5.75	18.75
235	610235	Dương Ngọc Bích Thảo	x	05/10/2010	THCS Xuyên Mộc	3.25	4.00	4.00	11.25
236	610236	Trần Phương Thảo	x	06/05/2010	THCS Phước Bửu	7.75	8.25	8.25	24.25
237	610237	Hồ Thị Phương Thảo	x	09/01/2010	THCS Chu Văn An (XM)	4.00	8.00	7.50	19.50
238	610238	Nguyễn Thị Phương Thảo	x	06/05/2010	THCS Phước Tân	5.50	8.50	6.50	20.50
239	610239	Hoàng Thị Thu Thảo	x	23/06/2010	THCS Phước Tân				0.00
240	610240	Bùi Trần Cao Phương Thảo	x	23/04/2010	THCS Xuyên Mộc	6.00	6.00	6.25	18.25
241	610241	Lê Hoàng Minh Thắng		20/11/2010	THCS Phước Bửu	6.75	9.00	7.50	23.25
242	610242	Hoàng Quốc Thắng		22/01/2010	THCS Phước Bửu	7.75	9.00	8.25	25.00
243	610243	Võ Quốc Thắng		12/11/2010	THCS Xuyên Mộc	6.00	8.00	5.75	19.75
244	610244	Nguyễn Trần Minh Thi	x	02/06/2010	THCS Bình Châu	5.25	8.75	6.75	20.75
245	610245	Trần Chí Thiện		11/05/2010	THCS Phước Bửu	6.25	8.25	7.00	21.50
246	610246	Bùi Như Thiện		15/01/2010	THCS Bình Châu	7.25	8.75	4.75	20.75
247	610247	Đỗ Hoàng Thịnh		09/01/2010	THCS Phước Bửu	5.50	6.75	6.00	18.25
248	610248	Nguyễn Lê Hưng Thịnh		03/02/2010	THCS Phước Bửu	7.00	9.00	8.75	24.75
249	610249	Vòng Gia Thuận		07/09/2010	THCS Hoà Hiệp	5.75	9.50	7.75	24.00
250	610250	Nguyễn Thái Thanh Thủy	x	09/02/2010	THCS Phước Bửu	7.25	9.00	8.75	25.00
251	610251	Võ Thị Anh Thúy	x	01/01/2010	THCS Phước Bửu	7.50	9.00	6.50	23.00
252	610252	Nguyễn Anh Thư	x	30/10/2010	THCS Phước Bửu	8.00	8.50	7.00	23.50
253	610253	Nguyễn Hà Anh Thư	x	11/09/2010	THCS Phước Bửu	6.00	7.00	7.50	20.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
254	610254	Đoàn Hải Song Thu	x	20/12/2009	THCS Phước Bửu	4.50	5.25	6.00	15.75
255	610255	Võ Huỳnh Anh Thu	x	14/04/2010	THCS Hoà Hiệp	5.75	8.00	6.25	20.00
256	610256	Nguyễn Ngọc Minh Thu	x	22/01/2010	THCS Phước Bửu	6.25	8.75	8.50	23.50
257	610257	Phạm Nguyễn Song Thu	x	30/06/2010	THCS Phước Bửu	7.25	8.25	5.50	21.00
258	610258	Bùi Thiên Thu	x	12/09/2010	THCS Phước Bửu	7.25	9.50	8.50	25.25
259	610259	Trần Thị Anh Thu	x	21/10/2010	THCS Phước Bửu	4.25	5.75	3.75	13.75
260	610260	Nguyễn Thị Minh Thu	x	22/10/2010	THCS Phước Bửu	7.00	7.75	6.50	21.25
261	610261	Lê Nguyễn Hoài Thương	x	22/05/2010	THCS Phước Bửu	7.25	6.00	6.50	19.75
262	610262	Dương Thị Mộng Thường	x	06/09/2010	THCS Bông Trang	7.00	6.50	4.75	18.25
263	610263	Huỳnh Văn Thường		23/07/2010	THCS Phước Bửu	5.00	6.25	5.75	17.00
264	610264	Bùi Lê Anh Thy	x	21/05/2010	THCS Phước Bửu	5.50	7.25	6.75	19.50
265	610265	Nguyễn Trần Bảo Thy	x	27/07/2010	THCS Chu Văn An (XM)	6.50	8.50	6.75	21.75
266	610266	Phan Thị Thủy Tiên	x	22/06/2010	THCS Phước Bửu	6.00	8.25	4.25	18.50
267	610267	Lê Thủy Tiên	x	19/02/2010	THCS Phước Bửu	5.75	7.50	5.00	18.25
268	610268	Lâm Chí Tiến		05/11/2010	THCS Phước Bửu				0.00
269	610269	Phạm Dương Minh Tiến		06/10/2010	THCS Phước Bửu	4.50	7.75	3.75	16.00
270	610270	Huỳnh Gia Tiến		12/03/2010	THCS Phước Bửu	6.50	9.25	9.75	25.50
271	610271	Nguyễn Nhật Tiến		30/11/2010	THCS Bưng Riềng	3.50	7.75	4.00	15.25
272	610272	Nguyễn Trần Tiến		23/01/2010	THCS Hoà Hiệp	5.25	9.00	8.25	22.50
273	610273	Nguyễn Văn Tiến		12/07/2010	THCS Phước Bửu				0.00
274	610274	Trần Trung Tín		04/04/2010	THCS Phước Bửu	6.00	5.50	6.00	17.50
275	610275	Nguyễn Khánh Huyền Trang	x	28/11/2010	THCS Xuyên Mộc	5.75	6.75	5.75	18.25
276	610276	Trần Phạm Phương Trang	x	30/01/2010	THCS Phước Bửu	5.50	6.75	4.50	16.75
277	610277	Đào Thị Thùy Trang	x	23/12/2010	THCS Phước Thuận	5.00	7.75	6.50	19.25
278	610278	Lê Thị Thùy Trang	x	29/10/2010	THCS Phước Bửu	6.50	7.75	6.25	20.50
279	610279	Hồ Thu Trang	x	13/10/2010	THCS Xuyên Mộc	5.00	5.25	8.00	18.25
280	610280	Nguyễn Trần Thiên Trang	x	11/11/2010	THCS Hoà Hiệp	6.25	8.75	9.25	24.25
281	610281	Lê Thị Bích Trâm	x	08/09/2010	THCS Hoà Hiệp	6.50	8.25	4.00	18.75
282	610282	Đặng Thị Ngọc Trâm	x	07/10/2010	THCS Phước Bửu	7.50	6.50	6.00	20.00
283	610283	Mai Thị Quỳnh Trâm	x	03/07/2010	THCS Phước Bửu	6.50	8.00	7.50	22.00
284	610284	Nguyễn Vũ Tuyết Trâm	x	05/09/2010	THCS Phước Bửu	6.50	7.25	8.50	22.25
285	610285	Lê Bảo Trân	x	30/12/2010	THCS Bông Trang	4.50	5.75	4.75	15.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
286	610286	Lê Bảo Trân	x	18/03/2010	THCS Phước Bửu	5.50	8.00	5.00	18.50
287	610287	Ngô Bảo Trân	x	24/03/2010	THCS Phước Bửu	7.25	8.75	9.25	25.25
288	610288	Lê Nguyễn Bảo Trân	x	02/10/2010	THCS Phước Bửu	6.25	4.25	4.25	14.75
289	610289	Bạch Phan Bảo Trân	x	26/03/2010	THCS Phước Tân	6.25	8.00	6.75	21.00
290	610290	Huỳnh Hoài Phương Trinh	x	06/08/2010	THCS Hòa Hội	7.50	8.75	7.50	23.75
291	610291	Lê Thị Phương Trinh	x	03/02/2010	THCS Bình Châu	6.75	8.75	9.00	24.50
292	610292	Lê Minh Trí		20/05/2010	THCS Phước Bửu	6.50	9.00	8.00	23.50
293	610293	Đặng Bình Trọng		08/02/2010	THCS Phước Bửu	6.50	8.75	8.25	23.50
294	610294	Lê Trần Tấn Trọng		02/12/2010	THCS Phước Tân	7.00	8.75	6.00	21.75
295	610295	Nguyễn Minh Trúc	x	16/06/2010	THCS Phước Bửu	7.00	6.50	4.00	17.50
296	610296	Hồ Nhật Trường		17/02/2010	THCS Phước Tân	7.75	8.00	6.75	22.50
297	610297	Lê Thiên Trường		13/11/2010	THCS Phước Bửu	5.50	8.75	8.75	23.00
298	610298	Nguyễn Minh Tuấn		16/06/2010	THCS Phước Tân	4.75	4.25	3.25	12.25
299	610299	Nguyễn Xuân Đức Tuấn		17/06/2010	THCS Phước Bửu	6.75	8.25	10.00	25.00
300	610300	Huỳnh Thanh Tùng		09/07/2010	THCS Phước Tân	7.50	9.00	7.00	23.50
301	610301	Dương Hoàng Thanh Tú	x	29/08/2010	THCS Xuyên Mộc	6.00	7.00	6.50	19.50
302	610302	Trương Nguyễn Hoàng Minh Tú	x	13/05/2010	THCS Phước Bửu	6.25	8.75	9.25	24.25
303	610303	Lê Văn Tuấn Tú		15/01/2010	THCS Phước Bửu	6.25	8.75	7.00	22.00
304	610304	Nguyễn Xuân Cát Tường	x	07/07/2010	THCS Tân Lâm	5.50	8.50	7.00	21.00
305	610305	Lê Khánh Uyên	x	16/09/2010	THCS Xuyên Mộc	6.75	6.75	6.00	19.50
306	610306	Hồ Phương Uyên	x	28/05/2010	THCS Phước Bửu	5.25	6.00	6.50	17.75
307	610307	Huỳnh Thảo Uyên	x	15/08/2010	THCS Phước Bửu	6.25	8.25	9.50	24.00
308	610308	Nguyễn Thị Thục Uyên	x	23/08/2010	THCS Phước Tân	5.50	7.75	5.25	18.50
309	610309	Nguyễn Thụy Mỹ Uyên	x	12/11/2010	THCS Phước Tân	6.25	8.25	8.50	23.00
310	610310	Lê Nguyễn Khánh Vân	x	15/12/2010	THCS Hoà Hiệp	6.00	8.75	6.00	20.75
311	610311	Dương Nhật Thảo Vi	x	08/12/2010	THCS Phước Tân	6.00	9.00	5.00	20.00
312	610312	Trịnh Tường Vi	x	01/12/2010	THCS Phước Bửu	6.50	8.25	5.00	19.75
313	610313	Nguyễn Thọ Hoàng Việt		15/02/2010	THCS Bưng Riềng	6.25	8.50	7.75	24.00
314	610314	Nguyễn Công Vinh		16/10/2009	THCS Phước Thuận	5.50	7.25	7.00	19.75
315	610315	Phan Công Vinh		14/07/2010	THCS Phước Tân	6.75	9.00	8.50	24.25
316	610316	Hà Khôi Vĩ		06/05/2010	THCS Phước Bửu	6.50	8.75	9.00	24.25
317	610317	Kiều Ngọc Vy	x	11/05/2010	THCS Xuyên Mộc	5.75	7.75	6.50	20.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
318	610318	Nguyễn Ngọc Phương Vy	x	28/10/2010	THCS Chu Văn An (XM)	7.00	7.50	6.75	21.25
319	610319	Nguyễn Ngọc Tường Vy	x	30/12/2010	THCS Phước Thuận	5.00	8.25	4.50	17.75
320	610320	Phan Nguyễn Bảo Vy	x	31/05/2010	THCS Phước Bửu	6.75	5.00	5.00	16.75
321	610321	Phạm Nguyễn Phương Vy	x	02/12/2010	THCS Xuyên Mộc	7.50	8.00	9.00	24.50
322	610322	Phan Thảo Vy	x	28/01/2010	THCS Bình Châu	5.50	8.50	3.75	17.75
323	610323	Phạm Thảo Vy	x	08/07/2010	THCS Phước Bửu	6.25	7.50	6.25	20.00
324	610324	Đinh Thị Diễm Xuân	x	20/04/2010	THCS Phước Bửu	5.75	8.75	6.75	21.25
325	610325	Nguyễn Hoàng Hải Yến	x	30/03/2010	THCS Bưng Riềng	7.00	8.25	8.25	23.50
326	610326	Huỳnh Kim Yến	x	15/03/2010	THCS Phước Bửu	6.25	3.50	5.25	15.00
327	610327	Phạm Phương Hải Yến	x	13/03/2010	THCS Xuyên Mộc	6.00	8.75	4.75	19.50
328	610328	Lương Trần Bảo Yến	x	17/10/2010	THCS Phước Bửu	7.00	8.50	9.25	24.75
329	610329	Nguyễn Doãn Ý		02/01/2010	THCS Phước Bửu	5.00	8.75	6.25	20.00
330	610330	Nguyễn Huỳnh Như Ý	x	12/01/2010	THCS Phước Bửu	7.50	8.75	7.50	23.75

Bảng này có 330 thí sinh. Có 324 thí sinh dự thi đủ môn.

* Tổng điểm xét tuyển THPT đã bao gồm điểm ưu tiên, khuyến khích./.